

Số: 04/2013/TTLT-BTP-BQP

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2013

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự về xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường; hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường; giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và thống kê, tổng hợp, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước.

Chương II

XÁC ĐỊNH CƠ QUAN CÓ TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG

Điều 3. Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường

1. Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại yêu cầu hoặc không có sự thống nhất về trách nhiệm bồi thường giữa các cơ quan do mình quản lý.

2. Tổng Cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại yêu cầu hoặc không có sự thống nhất về trách nhiệm bồi thường trong các trường hợp sau:

- a) Giữa các Cục Thi hành án dân sự;
- b) Giữa các Chi cục thi hành án dân sự khác tỉnh.

3. Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại yêu cầu hoặc không có sự thống nhất về trách nhiệm bồi thường giữa các Chi cục thi hành án dân sự trong tỉnh.

4. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại yêu cầu hoặc không có sự thống nhất về trách nhiệm bồi thường giữa các Phòng thi hành án cấp quân khu.

5. Cục Bồi thường nhà nước tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong trường hợp người bị thiệt hại yêu cầu hoặc không có sự thống nhất về trách nhiệm bồi thường giữa cơ quan thi hành án dân sự Bộ Tư pháp và cơ quan thi hành án Bộ Quốc phòng.

Điều 4. Thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường

1. Cơ quan có thẩm quyền xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch này chủ trì thực hiện thủ tục xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 16/2010/NĐ-CP.

2. Trường hợp không có sự thống nhất về cơ quan có trách nhiệm bồi thường, việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường được thực hiện theo thủ tục sau đây:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường, cơ quan có thẩm quyền xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường chủ trì, tổ chức họp với các cơ quan liên quan gây ra thiệt hại để thống nhất cơ quan có trách nhiệm bồi thường;

Trường hợp các cơ quan không thống nhất được cơ quan có trách nhiệm bồi thường thì cơ quan có thẩm quyền xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường quyết định một cơ quan trong số các cơ quan có liên quan gây ra thiệt hại là cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

b) Văn bản xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải gửi ngay cho các cơ quan có liên quan gây ra thiệt hại, người bị thiệt hại hoặc thân nhân người bị thiệt hại và cơ quan có trách nhiệm bồi thường để thực hiện.

Điều 5. Phối hợp xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan có liên quan gây ra thiệt hại và cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường có trách nhiệm phối hợp để xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

2. Việc đề nghị phối hợp xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường được thực hiện bằng văn bản.

Chương III

HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

Điều 6. Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường

1. Cục Bồi thường nhà nước Bộ Tư pháp hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi do Bộ Tư pháp quản lý.

2. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường đối với cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự thuộc phạm vi do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 7. Thời hạn hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường

Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị hướng dẫn và nhận đủ các tài liệu liên quan, cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn phải có văn bản trả lời. Trường hợp vụ việc khó khăn, phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày.

Chương IV

GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC PHÁP LUẬT, CUNG CẤP THÔNG TIN, HƯỚNG DẪN THỦ TỤC

Điều 8. Giải đáp vướng mắc

Bộ Tư pháp giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự.

Cục Bồi thường nhà nước tham mưu, giúp Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều này.

Điều 9. Hình thức, thời hạn giải đáp vướng mắc pháp luật

1. Việc giải đáp vướng mắc pháp luật được thực hiện thông qua các hình thức sau:

- a) Giải đáp bằng văn bản;
- b) Giải đáp thông qua mạng điện tử;
- c) Giải đáp trực tiếp hoặc thông qua điện thoại;
- d) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ thông tin có liên quan đến yêu cầu giải đáp vướng mắc, Bộ Tư pháp phải trả lời theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức và cá nhân. Trường hợp có nội dung phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

3. Trường hợp cần thiết, việc giải đáp vướng mắc có thể tham vấn ý kiến các chuyên gia hoặc tham vấn ý kiến của cơ quan có liên quan.

Điều 10. Cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường

1. Cục Bồi thường nhà nước Bộ Tư pháp cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của người bị thiệt hại trong lĩnh vực thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước.

2. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục hỗ trợ người bị thiệt hại thực hiện quyền yêu cầu bồi thường theo yêu cầu của người bị thiệt hại trong lĩnh vực thi hành án dân sự do Bộ Quốc phòng quản lý.

3. Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể, việc cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường được thực hiện bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp với người bị thiệt hại.

Chương V

THEO DÕI, ĐÔN ĐỐC VÀ KIỂM TRA

Mục 1

THEO DÕI HOẠT ĐỘNG GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

Điều 11. Theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường

1. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trên phạm vi cả nước.

2. Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trong phạm vi do mình quản lý.

3. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trong quân đội.

Điều 12. Căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường

1. Báo cáo kết quả giải quyết yêu cầu bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường.
2. Báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm về công tác triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.
3. Bản án, quyết định của Toà án có liên quan đến bồi thường của nhà nước.
4. Thông tin báo chí về tình hình yêu cầu bồi thường và giải quyết yêu cầu bồi thường.

Điều 13. Nội dung theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường

Cơ quan có trách nhiệm theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường quy định tại Điều 11 Thông tư liên tịch này theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường đối với các nội dung sau đây:

1. Tình hình yêu cầu bồi thường và giải quyết bồi thường;
2. Chi trả tiền bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả;
3. Thực hiện báo cáo theo quy định của pháp luật về trách nhiệm báo cáo về việc giải quyết bồi thường đối với cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

Mục 2

ĐƠN ĐỐC HOẠT ĐỘNG GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG

Điều 14. Đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường

1. Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trên phạm vi cả nước.
2. Cục Thi hành án dân sự đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trong phạm vi do mình quản lý.
3. Cục thi hành án Bộ Quốc phòng đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trong quân đội.

Điều 15. Căn cứ đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường

1. Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người bị thiệt hại về hoạt động giải quyết bồi thường.
2. Kết quả theo dõi, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường.
3. Thông tin báo chí về tình hình yêu cầu và giải quyết yêu cầu bồi thường.
4. Bản án, quyết định của Toà án có liên quan đến bồi thường nhà nước.

Điều 16. Thủ tục đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có căn cứ đơn đốc quy định tại Điều 15 Thông tư liên tịch này, cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 14 Thông tư liên tịch này phải ban hành văn bản đơn đốc cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

2. Văn bản đơn đốc phải nêu rõ nội dung, trách nhiệm của cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

3. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện theo nội dung văn bản đơn đốc và có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền đơn đốc về kết quả giải quyết.

4. Trong trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường gặp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện giải quyết bồi thường, phải báo cáo, xin ý kiến hướng dẫn của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

Mục 3

KIỂM TRA CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

Điều 17. Kiểm tra công tác bồi thường nhà nước

1. Cục Bồi thường nhà nước tham mưu, giúp Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trên phạm vi cả nước.

2. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng tham mưu, giúp Bộ Quốc phòng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự thuộc phạm vi do Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 18. Căn cứ kiểm tra

1. Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

2. Theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường.

Điều 19. Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra định kỳ do cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường thực hiện hàng năm theo kế hoạch được Thủ trưởng cơ quan phê duyệt.

2. Kiểm tra đột xuất được tiến hành khi có căn cứ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 18 Thông tư liên tịch này.

Điều 20. Nội dung kiểm tra

Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường tổ chức kiểm tra công tác bồi thường nhà nước về các nội dung sau đây:

1. Tính hợp pháp, đúng đắn của việc giải quyết bồi thường, chi trả tiền bồi thường và xem xét trách nhiệm hoàn trả;
2. Việc thực hiện báo cáo kết quả giải quyết bồi thường;
3. Quản lý nhà nước về công tác bồi thường và việc thực hiện các nhiệm vụ khác về bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Kiểm tra liên ngành về công tác bồi thường

1. Trường hợp khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc khi xét thấy cần thiết để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường, Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong hoạt động thi hành án dân sự, tổ chức kiểm tra liên ngành về công tác bồi thường.

2. Nội dung kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư liên tịch này.

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được kiểm tra

Cơ quan, đơn vị được kiểm tra có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ các nội dung kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan kiểm tra, đồng thời phối hợp với Đoàn kiểm tra thực hiện các nội dung kiểm tra theo yêu cầu.

Điều 23. Biện pháp xử lý sau kiểm tra

1. Sau khi kết thúc hoạt động kiểm tra, Đoàn kiểm tra gửi báo cáo kết quả kiểm tra cho cơ quan đã ra quyết định kiểm tra, đồng thời gửi Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước và Tổng cục Thi hành án dân sự) để phục vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

2. Trường hợp phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, cơ quan kiểm tra xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

Chương VI

THỐNG KÊ, TỔNG HỢP, BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG

Điều 24. Các loại báo cáo, thời điểm lấy số liệu

1. Báo cáo vụ việc

Sau khi kết thúc việc giải quyết bồi thường, cơ quan có trách nhiệm bồi thường báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp và cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường cùng cấp về kết quả giải quyết bồi thường.

Báo cáo được thực hiện theo mẫu tại phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

2. Báo cáo định kỳ

a) Báo cáo 6 tháng: báo cáo kết quả công tác bồi thường của đơn vị từ ngày 01/10 năm trước liền kề đến ngày 31/3 của năm báo cáo;

b) Báo cáo hàng năm: báo cáo kết quả công tác bồi thường của đơn vị từ ngày 01/10 năm trước liền kề đến ngày 30/9 của năm báo cáo.

Báo cáo được thực hiện theo mẫu tại phụ lục II và III ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

3. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

Điều 25. Trách nhiệm báo cáo về công tác bồi thường

1. Chi cục thi hành án dân sự có trách nhiệm định kỳ sáu tháng (trước ngày 10/4) và hàng năm (trước ngày 10/10) thống kê, sơ kết, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện bồi thường trong phạm vi do mình quản lý, gửi Cục thi hành án dân sự, đồng thời, gửi Phòng Tư pháp để tổng hợp tình chung về hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường tại địa phương.

2. Cục Thi hành án dân sự có trách nhiệm định kỳ sáu tháng (trước ngày 15/4) và hàng năm (trước ngày 15/10) thống kê, sơ kết, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện bồi thường trong phạm vi do mình quản lý, gửi Tổng cục Thi hành án dân sự Bộ Tư pháp, đồng thời, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp tình chung về hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường tại địa phương.

3. Tổng cục thi hành án dân sự Bộ Tư pháp định kỳ sáu tháng và hàng năm sơ kết, tổng kết công tác bồi thường nhà nước trong lĩnh vực thi hành án dân sự trong phạm vi cả nước, báo cáo Bộ Tư pháp, đồng thời gửi Cục Bồi thường nhà nước để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Phòng thi hành án cấp quân khu có trách nhiệm báo cáo định kỳ sáu tháng (trước ngày 10/4) và hàng năm (trước ngày 10/10) thống kê, sơ kết, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện bồi thường trong phạm vi do mình quản lý, báo cáo Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng.

5. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng có trách nhiệm báo cáo định kỳ sáu tháng (gửi báo cáo trước ngày 15/4) và hàng năm (gửi báo cáo trước ngày 15/10) thống kê, tổng hợp, đánh giá việc thực hiện bồi thường trong phạm vi do mình quản lý báo cáo Bộ Quốc phòng và thông báo cho Cục Bồi thường nhà nước Bộ Tư pháp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

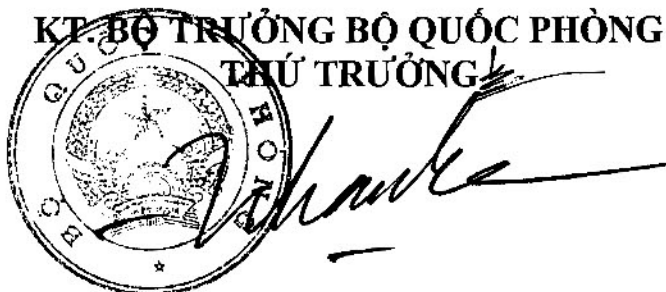
Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2013.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện

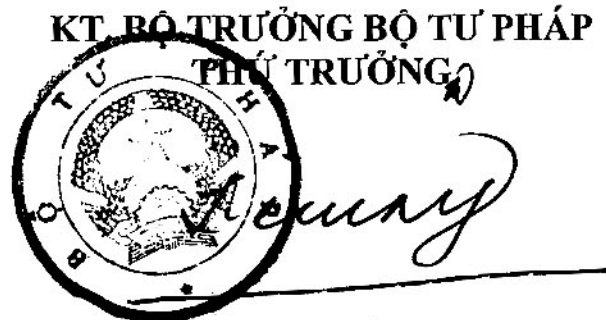
1. Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và các cơ quan có trách nhiệm bồi thường, cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án

dân sự, cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh về Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng để phối hợp nghiên cứu, giải quyết./.



Thượng tướng Nguyễn Thành Cung



Phạm Quý Ty

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Toà án nhân dân tối cao;
- Ủy ban TW Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Văn phòng Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Sở Tư pháp, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Tư pháp, Website Bộ Quốc phòng;
- Lưu: VT BTP, VT BQP.

Phụ lục I
BÁO CÁO VỀ VỤ VIỆC GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT- BTP-BQP ngày 01 tháng 02 năm 2013 hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO
Về việc giải quyết bồi thường

Cơ quan/Đơn vị¹ báo cáo về việc giải quyết bồi thường vụ ...² như sau:

1. Họ và tên, địa chỉ người yêu cầu bồi thường:.....
2. Loại vụ việc yêu cầu bồi thường:.....
3. Tóm tắt nội dung vụ việc:.....
4. Tình hình giải quyết:.....
5. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình giải quyết (nếu có):
6. Đề xuất, kiến nghị:.....
7. Số tiền bồi thường (trong trường hợp đã chi trả):.....
8. Công tác hoàn trả:.....

Nơi nhận:

- Cơ quan cấp trên trực tiếp (để báo cáo);
- Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường cùng cấp (để báo cáo);
- Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Tổng cục thi hành án dân sự, Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

¹ Tên cơ quan trực tiếp giải quyết bồi thường.

² Vụ việc yêu cầu bồi thường.

Phụ lục II

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT- BTP-BQP ngày 01 tháng 02 năm 2013 hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường

(từ ngày ...tháng... năm ... đến ngày... tháng ... năm...)

Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bồi thường, (cơ quan xây dựng báo cáo) báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT TNBTCNN VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

1. Công tác xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật TNBTCNN của cơ quan, đơn vị

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự

2.1. Công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và biên chế để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường.

- Thống kê số lượng cán bộ làm công tác bồi thường nhà nước của cơ quan, đơn vị.

- Đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác bồi thường nhà nước của cơ quan, đơn vị.

2.2. Công tác quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Luật TNBTCNN.

- Các hình thức phổ biến, tuyên truyền đã được áp dụng, triển khai.

- Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định Luật TNBTCNN.

2.3. Công tác bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho cán bộ thực hiện công tác giải quyết bồi thường tại cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức các Hội nghị tập huấn bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ.

- Số lượng cán bộ làm công tác bồi thường nhà nước tham gia tập huấn.

- Đánh giá kết quả.

2.4. Theo dõi, kiểm tra, thanh tra việc giải quyết bồi thường, theo dõi, đôn đốc việc chi trả tiền bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả.

- Số lượng các đoàn kiểm tra, thanh tra.
- Kết quả thanh tra, kiểm tra.

3. Tình hình yêu cầu bồi thường; giải quyết bồi thường và thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động thi hành án dân sự

- Số lượng vụ việc yêu cầu bồi thường thiệt hại thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền của cơ quan, đơn vị đã được tiếp nhận, thụ lý.
- Số lượng hồ sơ, vụ việc yêu cầu bồi thường đã được giải quyết.
- Số lượng hồ sơ, vụ việc còn tồn đọng chưa giải quyết, lý do.
- Tình hình về kết quả xác định và thực hiện trách nhiệm hoàn trả của công chức có hành vi trái pháp luật gây ra thiệt hại.

4. Đánh giá chung những kết quả đạt được

- Về hiệu quả đưa Luật TNBTCNN vào cuộc sống.
- Về tác động của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Bài học kinh nghiệm khi triển khai thi hành Luật TNBTCNN.

5. Những vướng mắc, bất cập và nguyên nhân

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP

1. Kiến nghị

1.1. Về thể chế

- Kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Kiến nghị các nội dung cần đổi mới, cải tiến trong hoạt động quản lý bồi thường nhà nước; giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước và thực hiện trách nhiệm hoàn trả.

1.2. Về tổ chức thi hành Luật

- Những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn.
- Các kiến nghị khắc phục hạn chế trong tổ chức thực hiện thi hành Luật.

2. Giải pháp

- Giải pháp trước mắt.
- Giải pháp lâu dài.

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường (để báo cáo);
- Cục Bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

TÊN CƠ QUAN**Phụ lục III****TÌNH HÌNH YÊU CẦU BỒI THƯỜNG VÀ
GIẢI QUYẾT YÊU CẦU BỒI THƯỜNG***(Kèm theo Báo cáo về Hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường)*

Cấp quản lý ³	Số lượng đơn yêu cầu bồi thường	Số thụ lý			Số vụ đã giải quyết		Số vụ đang giải quyết	Kết quả giải quyết					
		Kỳ trước chuyển sang	Mới thụ lý	Tổng số	Số vụ	Tỷ lệ %		Quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực	Số vụ việc người bị thiệt hại yêu cầu Tòa án giải quyết	Số tiền bồi thường (nghìn đồng)	Trách nhiệm hoàn trả		
											Số vụ hoàn trả	Số tiền hoàn trả (nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
Trung ương													
Tỉnh													
Huyện													

³ Tùy thuộc cấp quản lý mà có các số liệu của các cấp;